

**KẾ HOẠCH**

**Nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh  
Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 1137/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 8 năm 2017, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 28/KH-UBND, ngày 25 tháng 3 năm 2013, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc triển khai Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2020;

Căn cứ Chương trình số 272/CTr- UBND, ngày 13 tháng 7 năm 2016, của UBND tỉnh về việc phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2017;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU TỈNH KIÊN GIANG THỜI GIAN QUA**

Kiên Giang nằm ở phía Tây Nam tổ quốc, là tỉnh có vị trí địa lý khá thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; là cửa ngõ kết nối với các nước Đông Nam Á, đặc biệt với Campuchia, Thái Lan bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không. Bên cạnh đó, Kiên Giang là một trong 4 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Vùng đồng bằng sông Cửu Long, có nguồn nguyên liệu phong phú và đa dạng. Với đường bờ biển dài hơn 200 km, ngư trường khai thác hải sản rộng trên 63.000km<sup>2</sup> và trữ lượng hải sản khá lớn. Kiên Giang còn có thế mạnh về sản xuất lúa, với diện tích đất sản xuất trên 750.000 ha, sản lượng lúa hàng năm luôn nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Ngoài ra, một số ngành công nghiệp mới phát triển như da giày, may mặc, gỗ..., được hình thành với quy mô lớn, áp dụng quy trình sản xuất hiện đại góp phần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của tỉnh.

Trong những năm qua, sự phát triển nền kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng trong điều kiện có nhiều khó khăn thách thức, nhất là ảnh hưởng của việc suy giảm kinh tế toàn cầu, thị trường tiêu thụ gặp khó khăn, khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và năng lực quản lý điều hành của doanh nghiệp còn hạn chế... Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các sở, ngành đồng thời sự nỗ lực, cố gắng của doanh nghiệp trong việc triển

khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

Kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt trung bình trên 540 triệu USD; trong đó: Kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản đạt trung bình gần 355 triệu USD/năm. Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản trung bình đạt gần 150 triệu USD/năm, các sản phẩm khác đạt gần 36 triệu USD/năm. Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực là: Gạo trung bình 820.000 tấn/năm; tôm đông trên 3.000 tấn/năm; mực, bạch tuộc đông 2.600 tấn/năm; cá đông 2.600 tấn/năm; cá com sấy 448 tấn/năm; đồ hộp 22 triệu lon...

Thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản của tỉnh Kiên Giang được mở rộng qua từng năm. Cụ thể năm 2011, các mặt hàng nông sản, thủy sản của tỉnh xuất sang gần 30 quốc gia thì đến năm 2015 thị trường xuất khẩu của tỉnh mở rộng hơn 40 quốc gia, trong đó đã hình thành các thị trường trọng điểm, truyền thống chiếm kim ngạch xuất khẩu cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Singapore, Trung Quốc, Ghana, các nước thuộc Châu Phi, EU...

Tính đến nay số lượng doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu của tỉnh là 36 doanh nghiệp, tăng 6 doanh nghiệp so với năm 2010. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp xuất khẩu nông sản chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (chiếm khoảng 60%), tiếp đến là doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản (chiếm khoảng 30%), còn lại là các doanh nghiệp xuất khẩu qua đường bộ biên giới đóng góp một phần trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện cho các mặt hàng chủ lực của tỉnh như nông sản, thủy sản..., cùng với cả nước chiếm lĩnh được nhiều thị trường lớn như: EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nam Phi góp phần tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong tỉnh, tạo thu nhập ổn định, thúc đẩy sản xuất và phát triển thương mại.

Tuy nhiên, các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh hiện nay phải đối mặt với nhiều thách thức bởi các rào cản kỹ thuật từ các thị trường nhập khẩu, cũng như sự cạnh tranh gay gắt từ sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực và thế giới như Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ, Pakistan ... Trong khi đó các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh chủ yếu là thô, chưa có thương hiệu, sức cạnh tranh thấp; hệ thống cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, hoạt động xúc tiến chưa thực sự đem lại kết quả, kim ngạch xuất khẩu có xu hướng giảm qua các năm.

Trước thực trạng trên, nhằm từng bước đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh Kiên Giang là nhu cầu cấp thiết hiện nay. UBND tỉnh Kiên Giang xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 nhằm đưa ra các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

## **II. QUAN ĐIỂM**

- Phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh phù hợp với mục tiêu, giải pháp phát triển xuất khẩu hàng hóa theo Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2020 của tỉnh, đồng thời đề ra định hướng thực hiện đến năm 2030.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm đang có lợi thế về khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và thế giới như: Gạo, tôm, các loại thủy sản khác..., đồng thời tiến tới phát triển các mặt hàng khác có tiềm năng xuất khẩu như: May mặc, da giày, hàng thủ công mỹ nghệ, khóm, tiêu, xi măng... Nâng tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô dựa trên việc ứng dụng các tiến bộ về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao và các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm xuất khẩu gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quyết định trong nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu; nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách; hiệp hội ngành hàng đóng vai trò hỗ trợ và liên kết các doanh nghiệp hội viên.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế và triển khai các hiệp định thương mại tự do (FTA); phấn đấu kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đến năm 2020 tăng gần 2 lần năm 2010 và duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 10% đến năm 2030.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2020

+ Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt 780 – 1.000 triệu USD.

+ Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của các mặt hàng đang có lợi thế xuất khẩu như: Gạo các loại 1.000.000 tấn; tôm đông 6.400 tấn; cá đông 3.800 tấn; mực và bạch tuộc đông 15.000 tấn; nước mắm 310.000 lít; hải sản đông khác 20.000 tấn; da giày 13,2 triệu đôi; bia 15 triệu lít; trong đó tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng đến 50%.

+ Có ít nhất 02 doanh nghiệp xuất khẩu có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia.

- Đến năm 2030:

+ Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 10%/năm giai đoạn 2021 – 2030.

+ Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho các mặt hàng sẽ có lợi thế xuất khẩu như: May mặc, da giày, hàng thủ công mỹ nghệ, rau quả, tiêu...

+ Có ít nhất 04 doanh nghiệp xuất khẩu có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia.

- Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh luôn nằm trong tốp dẫn đầu cả nước.

### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tổ chức lại sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm**

- Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực và ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng chuyển dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu theo hướng nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn 2016 – 2020; Đề án đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng và thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đối với các sản phẩm, hàng hóa chủ lực. Quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn về vệ sinh, ô nhiễm môi trường; nâng cao năng lực của các chuyên gia tư vấn về năng suất và chất lượng của tỉnh, đảm bảo đủ khả năng tư vấn nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh về áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của các thị trường nước ngoài.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, quản lý chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngăn chặn mọi hành vi gian lận thương mại, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.

## 2. Xây dựng và phát triển thương hiệu

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp nắm bắt đầy đủ thông tin về đăng ký bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, chỉ dẫn địa lý..., trong và ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng thương hiệu quốc gia cho các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là hai mặt hàng là gạo và tôm. Chú trọng triển khai các chiến lược về chiến lược sản phẩm khác biệt; chiến lược chất lượng sản phẩm; chiến lược chi phí thấp.

- Đối với các doanh nghiệp cần tập trung đẩy mạnh phát triển sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, kiểu dáng. Đồng thời không ngừng đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm cơ hội mở rộng và phát triển thị trường, từng bước đưa sản phẩm và



dịch vụ của doanh nghiệp đến người tiêu dùng; khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp.

3. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 02 tháng 8 năm 2016, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020. Trong đó tập trung củng cố các thị trường truyền thống; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tại các nước mà Việt Nam tham gia ký kết hiệp định thương mại tự do.

- Thông qua các hoạt động thông tin đối ngoại, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, chú trọng công tác tiếp thị, quảng bá giới thiệu sản phẩm; lồng ghép các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh với các chương trình xúc tiến thương mại vùng và cả nước.

- Thực hiện tốt kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020. Tích cực hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trong việc xây dựng website thương mại điện tử, nhằm giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí giao thương và tăng cường tìm kiếm đối tác trong thời kỳ mua bán trực tuyến phát triển như hiện nay.

- Tận dụng lợi thế về thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, tiềm năng theo lộ trình giảm thuế tại các thị trường có FTA với Việt Nam và mở rộng các thị trường tiềm năng.

- Phối hợp cùng các đơn vị có chuyên môn xây dựng cơ sở dữ liệu về các rào cản kỹ thuật tại các thị trường nhập khẩu chính nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và các nhà sản xuất chủ động đáp ứng được các yêu cầu của thị trường.

4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với các ngành có lợi thế xuất khẩu

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 123/KH-UBND, ngày 21 tháng 8 năm 2017, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, trong đó chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cho các sản phẩm đang và sẽ có lợi thế xuất khẩu của tỉnh như nông sản, thủy sản, da giày...

- Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng logistics về kho, bãi, dịch vụ vận chuyển..., nâng cấp cơ sở hạ tầng về chợ, siêu thị...

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và của doanh nghiệp xuất khẩu

- Công bố và triển khai thực hiện quy hoạch điều chỉnh tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của UBND tỉnh về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 và thực hiện Chương trình hành động số 319/CTr-UBND, của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016, của Chính phủ, về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính, xây dựng môi



trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế; nâng cao điểm số và thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp ở nhóm đầu cả nước.

- Tập trung xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; trung tâm nghề cá của tỉnh, khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên. Đầu tư xây dựng đồng bộ, từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông hạ tầng với phương châm đầu tư cơ sở hạ tầng đến đâu thì hoàn chỉnh hệ thống điện, nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thu mua, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tiếp cận và sử dụng hiệu quả vốn vay, nhất là các nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động của doanh nghiệp.

- Nâng cao vai trò của hiệp hội ngành hàng trong việc tăng cường công tác thông tin về tình hình thị trường, giá cả, cơ chế, chính sách; thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa các doanh nghiệp, tạo sự đoàn kết gắn bó chặt chẽ, vì lợi ích chung nhằm ổn định quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các doanh nghiệp cần tiến hành sắp xếp, hợp lý hóa quy trình sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh; đẩy mạnh mối liên kết giữa người sản xuất - cung cấp nguyên, vật liệu đầu vào với doanh nghiệp và các cơ quan nghiên cứu khoa học, nhằm tổ chức hiệu quả chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất nguyên, vật liệu đầu vào đến khâu tổ chức sản xuất hiệu quả.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở những nội dung được giao trong Kế hoạch này (Phụ lục kèm theo) và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể; đồng thời cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành và địa phương. Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12 báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh thông qua Sở Công Thương để tổng hợp.

2. Giao Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện.

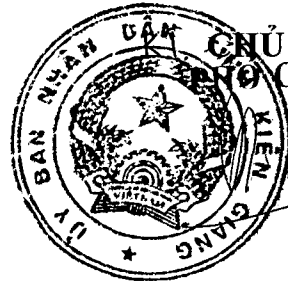
3. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế, các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Công Thương tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo thực hiện.

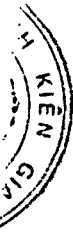
Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện ngay. / *VL*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- DN xuất khẩu tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nhsuong.



*nhu*  
**Mai Anh Nhịn**





## PHỤ LỤC

**PHỤ LỤC MỤC NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**  
(Ban hành kèm theo kế hoạch số 60 /KH-UBND, ngày 26 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Tổ chức lại sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm</b>				
1	Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực và ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Triển khai Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn 2016 – 2020; Đề án đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
3	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh về áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của các thị trường nước ngoài.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
4	Tăng cường công tác quản lý thị trường, quản lý chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngăn chặn mọi hành vi gian lận thương mại tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm



	nghiệp, góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.				
<b>II</b>	<b>Xây dựng và phát triển thương hiệu</b>				
1	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn về Sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp nắm bắt đầy đủ thông tin về đăng ký bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, chỉ dẫn địa lý... trong và ngoài nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Xây dựng thương hiệu quốc gia cho các mặt hàng có thể mạnh của tỉnh, đặc biệt là hai mặt hàng gạo và tôm.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
3	Triển khai Chiến lược sản phẩm khác biệt, Chiến lược chất lượng sản phẩm, Chiến lược chi phí thấp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Chiến lược	Năm 2018
4	Tập trung đẩy mạnh phát triển sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, kiểu dáng; đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm cơ hội mở rộng và phát triển thị trường, từng bước đưa sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp đến người tiêu dùng; khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp.	Doanh nghiệp xuất khẩu	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm

III	<b>Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu</b>				
1	Triển khai Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.	Trung tâm XTĐT TM và Du lịch	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Thông qua các hoạt động thông tin đối ngoại, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, chú trọng công tác tiếp thị, quảng bá giới thiệu sản phẩm; lồng ghép các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh với các chương trình xúc tiến thương mại vùng và cả nước.	Sở Ngoại vụ, Trung tâm XTĐT TM và DL	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
3	Thực hiện tốt kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020. Tích cực hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trong việc xây dựng website thương mại điện tử, nhằm giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí giao thương và tăng cường tìm kiếm đối tác trong thời kỳ mua bán trực tuyến phát triển như hiện nay.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
4	Tận dụng lợi thế về thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, tiềm năng theo lộ trình giảm thuế tại các thị trường có FTA với Việt Nam và mở rộng các thị trường tiềm năng	Sở Công Thương, Trung tâm XTĐT TM và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về các rào cản kỹ thuật tại các thị trường nhập khẩu chính nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và các nhà sản xuất chủ động đáp ứng được các yêu cầu của thị trường.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Dữ liệu	Hàng năm

<b>IV Phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với các ngành có lợi thế xuất khẩu</b>					
1	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng logistics về kho, bãi, dịch vụ vận chuyển... nâng cấp cơ sở hạ tầng về chợ, siêu thị.	Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
<b>V Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và của doanh nghiệp xuất khẩu</b>					
1	Công bố và triển khai thực hiện quy hoạch điều chỉnh tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Thực hiện Chương trình hành động số 319/CTr-UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3	Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của UBND tỉnh về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyên đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4	Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp; trung tâm nghề cá của tỉnh, khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, Giang Thành. Đầu tư xây dựng đồng bộ, từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông hạ tầng.	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm

5	Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tiếp cận và sử dụng hiệu quả vốn vay nhất là các nguồn vốn tín dụng ưu đãi.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
6	Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động của doanh nghiệp.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
7	Nâng cao vai trò của Hiệp hội ngành hàng trong việc tăng cường công tác thông tin về tình hình thị trường, giá cả, cơ chế, chính sách; thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa các doanh nghiệp, tạo sự đoàn kết gắn bó chặt chẽ, vì lợi ích chung nhằm ổn định quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, ngành hàng	Các sở, ngành, địa phương, có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
8	Sắp xếp, hợp lý hóa quy trình sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh; đẩy mạnh mối liên kết giữa người sản xuất - cung cấp nguyên, vật liệu đầu vào với doanh nghiệp và các cơ quan nghiên cứu khoa học, nhằm tổ chức hiệu quả chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất nguyên, vật liệu đầu vào đến khâu tổ chức sản xuất hiệu quả.	Doanh nghiệp xuất khẩu	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Hàng năm